

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101101 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011911	36CKT1	Tr n V ấ Gia B o	18/08/1994				2.0	7.5		4.8	1.4	8.0	5.6	7.0	
2	3673010308	36CKT1	Di p T B i	21/10/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	3.3	2.3	3.2	
3	3673011554	36CKT1	ấ ng Quang C ng	15/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
4	3673011650	36CKT1	B ấ i Th M D ấ y ấ n	01/09/1994				2.5	5.5		4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
5	3673010383	36CKT1	L 2 Th Thu Hà	03/07/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	4.8	3.4	4.1	
6	3673010054	36CKT1	Nguy n Th Thu Hà	30/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
7	3673010246	36CKT1	L 2 Th M H ng	08/03/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	7.5	5.3	6.0	
8	3673011915	36CKT1	Phan Th Minh H ấ n	10/07/1994				3.0	3.5		3.3	1.0	9.0	6.3	7.3	
9	3673011158	36CKT1	Nguy n Th H u	28/03/1994				2.0	0.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
10	3671010164	36CKT1	Phan Th H u	15/07/1994				2.0	5.0		3.5	1.1	7.5	5.3	6.3	
11	3673012052	36CKT1	Tr ng Th o Hi n	14/03/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
12	3673010016	36CKT1	Nguy n Trung Hi u	10/09/1993				2.0	6.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
13	3673010106	36CKT1	Nguy n Th y Ng c Hi p	30/04/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	2.8	2.0	2.7	
14	3673010363	36CKT1	L 2 Th Hoa	20/09/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	8.0	5.6	7.0	
15	3673010063	36CKT1	ấ Th Hòa	27/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
16	3673011120	36CKT1	Cao Nguy n Qu c Huy	02/12/1994				3.0	7.5		5.3	1.6	5.5	3.9	5.4	
17	3673011947	36CKT1	Nguy n Th Huy n	02/01/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
18	3673011637	36CKT1	Tr n Th Lan H ng	07/08/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	10.0	7.0	10.0	
19	3673010287	36CKT1	Nguy n Th Kim H ng	21/06/1994				3.0	5.5		4.3	1.3	5.8	4.1	5.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101101 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673010076	36CKT1	Tr n K i t	17/05/1994				2.0	5.5		3.8	1.1	7.0	4.9	6.0	
21	3673010223	36CKT1	Nguy n Anh Khoa	16/06/1994				5.0	5.5		5.3	1.6	9.0	6.3	7.9	
22	3673010165	36CKT1	ấ nh Tuy t Lan	16/05/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	8.3	5.8	8.4	
23	3673011500	36CKT1	Ch ấ Th Li ấ n	10/10/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
24	3673010300	36CKT1	Ph m Th B ấ ch Li u	27/01/1994				2.0	2.5		2.3	0.7	7.0	4.9	5.6	
25	3673010333	36CKT1	ấ nh Th Thu ấ Linh	26/07/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
26	3673010392	36CKT1	Nguy n Th Ng c Linh	15/11/1994				4.0	8.5		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
27	3673010240	36CKT1	H ng Gia L i	30/06/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
28	3673010125	36CKT1	Ph m Tu n L c	12/03/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	8.0	5.6	6.4	
29	3673010109	36CKT1	Nguy n Th Ho ấ ng Mai	05/05/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
30	3673010228	36CKT1	Nguy n Ph ng M K i u	16/05/1994				5.0	2.0		3.5	1.1	3.0	2.1	3.2	
31	3673011114	36CKT1	L u Th M	20/04/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	7.0	4.9	5.7	
32	3673010387	36CKT1	Nguy n Th M	08/03/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
33	3673010150	36CKT1	Nguy n Ho ấ ng Nam	15/12/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
34	3673011570	36CKT1	Ph m V ấ Nam	25/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
35	3673010255	36CKT1	Nguy n Kim Ng ấ n	13/11/1993				2.0	4.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
36	3673011182	36CKT1	ấ H ng Ng c	27/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
37	3673011111	36CKT1	Tr n Th H ng Ng c	22/09/1994				2.0	6.5		4.3	1.3	5.3	3.7	5.0	
38	3673010281	36CKT1	L ấ Th Th o Nguy ấ n	19/07/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	5.8	4.1	4.8	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101101 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673011876	36CKT1	Nguy n Trung	Nguyễn	07/01/1994				2.0	6.5		4.3	1.3	5.5	3.9	5.1	
40	3673010173	36CKT1	Tr n Th o	Nguyễn	17/12/1994				4.0	2.0		3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
41	3673011882	36CKT1	L ² Di p Ho ²ng	Oanh	23/04/1994				0.0	8.5		4.3	1.3	2.5	1.8	3.0	
42	3673010299	36CKT1	Nguy n H u	Phúc	27/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
43	3673011969	36CKT1	Nguy n Th Ng c	Ph ng	00/00/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	10.0	7.0	9.0	
44	3673011970	36CKT1	Nguy n Th Ng c	Ph ng	00/00/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
45	3673010151	36CKT1	L ² Th B'ch	Ph ng	15/10/1994				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
46	3673011162	36CKT1	Nguy n Th C m	Ph ng	15/06/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
47	3673010275	36CKT1	Ng» Th B'ch	Ph ng	29/07/1994				2.0	6.5		4.3	1.3	6.5	4.6	5.8	
48	3673011152	36CKT1	ñ ng Ng c	Quyên	10/06/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
49	3673010339	36CKT1	Tr n M	Quyên	03/02/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
50	3673010200	36CKT1	Nguy n B' Ti²n	Quinh	14/07/1994				8.0	7.5		7.8	2.3	7.8	5.5	7.8	
51	3673010156	36CKT1	Nguy n Th Nh	Quinh	27/07/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
52	3573011826	36CKT1	H Nh	Quý	31/12/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
53	3673011059	36CKT1	Nguy n Th ã »ng	Sa	20/10/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	0.5	0.4	1.1	
54	3673010104	36CKT1	Tr n Th Ng c	S ng	01/04/1994				4.5	7.5		6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
55	3673011946	36CKT1	Ph m Thanh	Tâm	05/02/1994				7.0	6.5		6.8	2.0	8.5	6.0	8.0	
56	3673010271	36CKT1	Tr n ã nh Ći	Tâm	02/12/1994				2.5	4.0		3.3	1.0	6.3	4.4	5.4	
57	3673011176	36CKT1	Nguy n Th Thu	Tiên	04/09/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CKT1 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101101 - Quy ho ch tuy n tñnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673010257	36CKT1	M Th	Ti n	12/02/1992				2.0	4.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
59	3673010127	36CKT1	Huunnh VÑh	Tu n	11/12/1993				2.5	3.0		2.8	0.8	6.0	4.2	5.0	
60	3673011051	36CKT1	Tr n Tri u	Tu n	20/04/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
61	3673010198	36CKT1	Nguy n Tr ng Thanh	Tuy n	23/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
62	3673010039	36CKT1	Nguy n Th Kim	Tuy n	27/09/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
63	3673010048	36CKT1	Bçi Th	Tuy t	20/12/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	7.5	5.3	6.3	
64	3673011855	36CKT1	L² Huunnh Thanh	Tú	26/02/1994				6.0	4.5		5.3	1.6	5.8	4.1	5.6	
65	3673012040	36CKT1	Nguy n Th	Thanh	20/10/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	4.8	3.4	4.1	
66	3673011619	36CKT1	Nguy n Th Mai	Th o	31/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
67	3673010161	36CKT1	Ph m VÑh Hoçng	Thái	15/01/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	2.0	1.4	2.2	
68	3673010261	36CKT1	Nguy n Th H ng	Th m	27/04/1994				2.0	5.5		3.8	1.1	8.0	5.6	6.7	
69	3673011124	36CKT1	V ng Qu c	Th ng	28/10/1993				2.5	2.0		2.3	0.7	6.0	4.2	4.9	
70	3673010030	36CKT1	Ng» Th Anh	Th	02/09/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	5.3	3.7	4.3	
71	3673011839	36CKT1	Nguy n Th Ng c	Thu n	26/01/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	10.0	7.0	8.5	
72	3673010331	36CKT1	V n Quang Th Kim	Thuy	15/08/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
73	3673010245	36CKT1	V½Th Ng c	Thuy n	01/12/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
74	3673011134	36CKT1	ñ u Th	Thu	22/12/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
75	3673011916	36CKT1	H ng Th Thu	Trang	08/03/1994				2.5	4.0		3.3	1.0	5.0	3.5	4.5	
76	3673010006	36CKT1	L² Th Thçy	Trang	15/09/1994				2.0	6.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101101 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CH ấ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673010251	36CKT1	Phan Thùy Trang	02/09/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
78	3673010343	36CKT1	Tr n Th Thu Trang	03/07/1993				3.0	5.5		4.3	1.3	8.0	5.6	6.9	
79	3673010059	36CKT1	Phan Th Ng c Tr ấ m	18/11/1994				2.0	6.0		4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
80	3673010210	36CKT1	T ấ Ng Ng c Tr ấ n	23/05/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
81	3673011161	36CKT1	L 2 V ấ Tr ng	19/02/1992				2.0	3.0		2.5	0.8	7.3	5.1	5.9	
82	3673011601	36CKT1	Th ấ Th Thanh Trú c	05/04/1993				4.0	5.5		4.8	1.4	5.0	3.5	4.9	
83	3673010194	36CKT1	ấ Th ấ V ấ	29/09/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
84	3673011168	36CKT1	Hu ấ nh Ph ng Vi	19/06/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
85	3673011135	36CKT1	Ph m T ng Vi	20/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
86	3673010019	36CKT1	L 2 T Th ấ Vy	17/07/1993				2.0	5.5		3.8	1.1	6.3	4.4	5.5	
87	3673011842	36CKT1	Nguy n Kim X ấ nh	01/01/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	3.5	2.5	3.2	
88	3673011508	36CKT1	H Th Xu ấ n	05/08/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
89	3673010101	36CKT1	ấ Ng c Y n	28/12/1994				2.0	5.5		3.8	1.1	8.0	5.6	6.7	

T ng s : 89 h c sinh sinh v ấ n
Tr ng Khoa Gi ấ o V ấ n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V Khoa